

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(PROGRAMME SPECIFICATION)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (Programme Title)	KIỂM TOÁN
2. Mã ngành đào tạo (Code)	7340302
3. Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp (Award Titles)	Cử nhân Kinh tế Chuyên ngành: Kiểm toán
4. Cơ sở giáo dục cấp bằng (Awarding Body)	<i>Trường Đại học Kinh tế - Luật</i>
5. Đơn vị đào tạo (Teaching Institution)	<i>Trường Đại học Kinh tế - Luật</i>
6. Khoa (Faculty)	KTKT
7. Thời lượng chương trình (Length of Programme)	8 học kì
8. Trình độ đào tạo (Level of programme)	Đại học
9. Cấp độ của CTĐT theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Level of programme within Vietnam's Qualifications Framework)	Bậc 6 – Đại học
10. Thông tin đánh giá/kiểm định chất lượng do tổ chức nghề nghiệp hoặc luật định công nhận (Accreditation by Professional Statutory and Regulatory Body)	
11. Tổng số tín chỉ (Total Credits):	
- Theo hệ thống tín chỉ Việt nam (in accordance with Vietnam's credit system)	130 tín chỉ (không bao gồm tín chỉ của ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)
- Theo ECTS	
12. Ngôn ngữ giảng dạy (Language of Study)	Tiếng Việt (6 môn học được giảng dạy song ngữ Anh – Việt)

13. Mô tả chương trình (Programme Description)

Chương trình đào tạo cử nhân Kiểm toán được thiết kế để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kiểm toán theo hướng chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức, có khả năng thích nghi phù hợp với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận công việc của một kiểm toán viên hoặc một chuyên viên kế toán tại tất cả các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức trong nước và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- Các cơ quan quản lý nhà nước;
- Các định chế tài chính trung gian (ví dụ như các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư thuộc các khu vực, thành phần kinh tế trong và ngoài nước, trung tâm giao dịch chứng khoán);
- Các công ty kiểm toán trong và ngoài nước;
- Các đơn vị tư vấn kế toán, tài chính, tư vấn dịch vụ kế toán và kiểm toán trong và ngoài nước.

Khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

- Khả năng làm việc tại các công ty kiểm toán trong và ngoài nước.
- Cung cấp dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp.
- Kiểm tra, đánh giá và tư vấn về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức.
- Phân tích báo cáo tài chính cho các công ty về tư vấn tài chính, tổ chức tín dụng.
- Kiểm tra và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của các tổ chức được lập theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam/quốc tế.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

- Cử nhân ngành kiểm toán có thể tiếp tục học bằng hai, sau đại học (bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc khối ngành kinh tế trong và ngoài nước.
- Cử nhân ngành kiểm toán có thể tiếp tục học để được cấp chứng chỉ nghề nghiệp do các tổ chức hiệp

	<p>hội nghề nghiệp tổ chức và tham gia là thành viên của các hiệp hội kế toán VN và quốc tế như chứng chỉ CPA (Việt Nam), CPA (Úc), ACCA, ICAEW (Anh); CMA, CIA (Mỹ)...</p>
<p>14. Các tuyên bố đối sánh theo lĩnh vực có liên quan và điểm tham chiếu bên ngoài và bên trong khác được sử dụng để cung cấp thông tin về kết quả chương trình (Relevant Subject Benchmark Statement and/or other external/internal reference points used to provide information on programme outcomes)</p>	<p>CTĐT ngành kiểm toán được xây dựng dựa trên dựa trên "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ" của VNU HCM và Trường Đại học Kinh tế - Luật (Quy chế đào tạo đại học VNU – QC 262; Quy chế đào tạo đại học UEL- QD789-QDHKTL), sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Kinh tế -Luật, sứ mạng và tầm nhìn của Khoa KTKT, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đối sánh với CTĐT các trường đại học uy tín trên thế giới, nhu cầu xã hội, thông tin phản hồi từ cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, ý kiến của hội đồng tư vấn Khoa và Ban Giám hiệu phê để triển khai.</p>

II. MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME OBJECTIVES & LEARNING OUTCOMES)

1. Mục tiêu chương trình đào tạo (Programme Objectives)

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Kiểm toán đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kiểm toán theo hướng chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức, có khả năng thích nghi phù hợp với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1. Có kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội và chuyên sâu về kiểm toán.
2. Có kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.
3. Có tư duy sáng tạo và kỹ năng mềm đầy đủ để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo.

5. Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

2. Kết quả học tập mong đợi (Programme Learning Outcomes)

Đề mục	CDR chương trình	Cấp bậc nhận thức theo thang đo của Bloom
1	Kiến thức (Technical Competence- IFAC)	
1.1	<i>Kiến thức chung về tự nhiên xã hội:</i> Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành kinh tế quản lý giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội	3
1.2	<i>Kiến thức chung về ngành Kế toán Kiểm toán:</i> Áp dụng kiến thức cơ sở ngành KTKT để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm toán và am hiểu kế toán	4
1.3	<i>Kiến thức chuyên ngành Kiểm toán:</i> Áp dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán, kiểm soát nội bộ...	4
2	Kỹ năng chuyên môn (Professional Skills-IFAC)	
2.1	<i>Kỹ năng phân tích:</i> Phân tích, hoạch định và đưa giải pháp trong lĩnh vực kiểm toán	4
2.2	<i>Kỹ năng nghiên cứu:</i> Nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Kiểm toán	3
2.3	<i>Kỹ năng tổ chức quản lý:</i> Có khả năng tổ chức và quản lý trong hoạt động nghề nghiệp Kiểm toán	4
2.4	<i>Kỹ năng xử lý thông tin:</i> Có khả năng ứng dụng các công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực Kiểm toán	4
3	Giá trị nghề nghiệp (Professional Values IFAC)	
3.1	Được chấp nhận là thành viên của các tổ chức nghề nghiệp trong nước hoặc quốc tế	3
3.2	Có khả năng học tập suốt đời. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân	4

3.3	Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau	4
4	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán (Practical Experience IFAC)	
4.1	Thực hành công việc kế toán, trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp.	4
4.2	Thực hành công việc trợ lý kiểm toán, kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức khác.	4
4.3	Đảm trách công việc tư vấn kế toán, tài chính và thuế trong các doanh nghiệp.	4
5	Thái độ chuyên nghiệp (Professional Attitudes IFAC)	
5.1	Có khả năng tham gia và quản lý nhóm hiệu quả	3
5.2	Có khả năng quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học	4
6	Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics IFAC)	
6.1	Có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng	4
6.2	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp	3
6.3	Có ý thức và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội	4

Ghi chú: 1 Nhận biết; 2 Hiểu; 3 Ứng dụng; 4 Phân tích

3. Phương pháp dạy và học (Teaching and Learning Strategy)

Chiến lược dạy và học theo phương pháp chủ động, lấy người học làm trung tâm. Các hoạt động dạy và học được kết hợp đa dạng và linh hoạt như động não, thuyết giảng, bài tập tình huống, học thông qua giải quyết vấn đề, tranh luận, thảo luận nhóm, nhập vai, nghiên cứu thực tế, case study... Các hoạt động dạy và học được thiết kế đan xen trong môn học giúp đạt được chuẩn đầu ra của môn học và của CTĐT. Ngoài ra, phương pháp dạy và học còn thúc đẩy người học phát huy năng lực tư duy, khả năng nghiên cứu, khả năng phản biện độc lập và giải quyết vấn đề sáng tạo. Ngoài ra, CTĐT có sự kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp thông qua các buổi seminar, hội thảo, kiến tập thực tế dành cho sinh viên.

4. Phương pháp kiểm tra đánh giá (Assessment Strategy)

Kết hợp nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với kết quả học tập mong đợi, giúp phân loại người học và mức độ đạt được chuẩn đầu ra mong đợi của mỗi người học. Công tác kiểm tra đánh giá được triển khai trong suốt quá trình học, bằng nhiều hình thức: bài kiểm tra nhỏ, bài thi

giữa kì, trắc nghiệm, tự luận, đánh giá hoạt động trong lớp học, thuyết trình phản biện, đánh giá đóng vai, tiểu luận, đề án môn học, thi vấn đáp...

Các thành phần đánh giá bao gồm: Đánh giá quá trình và đánh giá giữa kì (50%) và đánh giá cuối kì (50%).

III. CẤU TRÚC, ĐẶC ĐIỂM CTĐT, CÁC MÔN HỌC, PHÂN BỐ TÍN CHỈ VÀ YÊU CẦU CẤP BẰNG (PROGRAMME STRUCTURE AND FEATURES, MODULES, CREDIT ASSIGNMENT AND AWARD REQUIREMENTS)

1. Cấu trúc chương trình (Programme Structure):

Số TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức cơ bản	41	32
II	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	19	14
III	Kiến thức ngành và chuyên ngành	60	46
IV	Kiến tập, Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/chuyên môn tốt nghiệp	10	8
	Tổng cộng	130	100

2. Danh mục các môn học (List of courses):

HỌC KỲ I – 17 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	15	15			
1	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
		Môn học tự chọn	2	2			

1	GEN110 3	Địa chính trị thế giới	3 môn chọn 1	2	2			
2	GEN110 4	Quan hệ quốc tế		2	2			
3	GEN110 9	Lịch sử văn minh thế giới		2	2			
4	GEN110 5	Văn hóa học	3 môn chọn 1	2	2			
5	GEN110 6	Xã hội học		2	2			
6	GEN111 0	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2			
7	GEN100 4	Giáo dục thể chất 1		3	3			

HỌC KỲ II – 19 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyế t	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	17	17			
1	LAW 1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO 1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			ECO100 1
3	ACC 1013	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MA T100 2	Lý thuyết xác suất	2	2			MAT1001

6	GEN 1007	Triết học Mác - Lênin		3	3			
		Môn học tự chọn		2	2			
1	GEN 1101	Tâm lý học đại cương	3 môn chọn 1	2	2			
2	GEN 1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
3	GEN 1108	Nhân học đại cương		2	2			
4	GEN 1005	Giáo dục thể chất 2		2	2			
5	GEN 1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				

HỌC KỲ III :16 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi	
		Môn học bắt buộc	14	14				
1	GEN 1009	Lịch sử Đảng CSVN	2	2				
2	ACC 1023	Kế toán tài chính	3	3			ACC1013	
3	BUS 1200	Marketing căn bản	3	3				
4	FIN1 101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			ECO1001 ECO1002	
5	MAT 1003	Thống kê ứng dụng	3	3			MAT1001 MAT1002	
		Môn học tự chọn	2	2				
1	MIS1 004	Tin học ứng dụng	3 môn chọn 1	2	2			

2	GEN 1107	Logic học		2	2			
3	MAT 1004	Kinh tế lượng (bố trí lịch ở HK4)		3	3			MAT1001 MAT1002 MAT1003

HỌC KỲ IV : 20TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc: 15 TC							
1	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			
3	BUS 1111 FIN1102	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	3	3			FIN101
4	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1		
5	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3	3			
6	ACC1033	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	3	3			ACC1013
Môn học tự chọn: 5 TC							
1	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 môn chọn 1	2	2		
2	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2	2		
3	GEN1111	Thực hành văn bản Tiếng Việt		2	2		
4	FIN1203	Ngân hàng		3	3		
5	FIN1251	Thanh toán quốc tế		3	3		
6	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3	2	1	

HỌC KỲ V :17 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
-----	-------	---------	---------	----------------------

			Tổng cộng	Lý thuyế t	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc: 14 TC	14	14			
1	ACC1163	Thuế - Thực hành và khai báo	3	3			
2	ACC1044	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)	4	4			ACC 1013
3	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán	3	3			
4	ACC1504	Lý thuyết kiểm toán	4	4			
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)	3	3			
1	ACC1153	Kế toán ngân hàng (Kế toán ngân hàng thương mại)	3	3			ACC 1013
2	FIN1202	Tài chính quốc tế	3	3			
3	FIN1152	Thị trường chứng khoán	3	3			
4	MIS1021	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	2	1		

HỌC KỲ VI : 21 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc: 18 TC	18	18			
1	ACC1533	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	3	3			
2	ACC1113	Kế toán quản trị	3	3			
3	ACC1083	Kế toán quốc tế	2	2			
4	ACC1573	Đạo đức nghề nghiệp và QTDN	3	3			
5	ACC1583	Phân tích Báo cáo tài chính	3	3			ACC 1033
6	GEN1010	CNXH khoa học	2	2			
7		Kiến tập (cuối HK 6)	2		2		
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)	3	3			
1	ACC1053	Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)	4 môn chọn 1	3	3		ACC 1033
2	ACC1063	Kế toán phần hành 1		3	3		ACC 1013
3	ACC1073	Kế toán phần hành 2		3	3		ACC 1013
4	MIS1033	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định		3	2	1	

HỌC KỲ VII : 12 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc: 09 TC		9	9			
1	ACC1533	Kiểm soát và kiểm toán NB		3	3			
2	ACC1543	Kiểm toán 2		3	3			
3	BUS1108	Quản trị rủi ro		3	3			
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)		3	3			
1	ACC1123	Kế toán quản trị nâng cao	3 môn chọn 1	3	3			ACC1113
2	ACC1183	Chuẩn mực Trình bày BCTC Quốc tế (IFRS)		3	3			ACC1083
3		Phân tích dữ liệu với R/Python		3	2	1		

HỌC KỲ VIII : 8 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/	KHÁC
		Môn bắt buộc: 04 TC	4		4	
1	BC02	Thực tập cuối khóa	4		4	
		Môn tự chọn: 04 TC (Chọn Khóa luận TN hoặc 2 học				
2	KL01	Khóa luận TN	4		4	
3.1	ACC1933	Chuyên đề 1: Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP 1	2	2		

3.2	ACC1943	Chuyên đề 2: Báo cáo tài chính hợp nhất	2	2		
-----	---------	--	---	---	--	--

5. Sơ đồ phân bố môn học trong chương trình (Curriculum map)

Ma trận đóng góp môn học vào kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Stt	MÔN HỌC	Tự chọn	Tổng cộng	Kiến thức (Technical Competence-IFAC)			Kỹ năng chuyên môn (Professional Skills-IFAC)				Giá trị nghề nghiệp (Professional Values IFAC)			Kỹ năng thực hành nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán (Practical Experience IFAC)			Thái độ chuyên nghiệp (Professional Attitudes IFAC)		Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics IFAC)			
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	6.3	
	HK1		17																			
	Môn học bắt buộc		15																			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2																2		2
2	Kinh tế học vi mô 1		3	2											2							
3	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)		3	2															2	2		
4	Toán cao cấp (5TC)		5	2				2								2						
	Môn học tự chọn		2																			
1	Địa chính trị thế giới	3 môn chọn 1	2	2												2						
2	Quan hệ quốc tế		2		2											2	2					
3	Lịch sử văn minh thế giới		2	2															2			2
4	Văn hóa học	3 môn chọn 1	2	2								2										2
5	Xã hội học		2	2								2										2
6	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2																2		2
7	Giáo dục thể chất 1		3																			
	HK2		19																			
	Môn học bắt buộc		17																			
1	Luật doanh nghiệp		3		2	2	2														2	
2	Kinh tế vĩ mô 1		3	3	2	2	2								3							
3	Nguyên lý kế toán		3		3	2	2				2	2									2	
4	Quản trị học căn bản		3	2	2				2													

5	Lý thuyết xác suất		2	2	2														
6	Triết học Mác - Lênin		3	2												2			2
	Môn học tự chọn		2																
1	Tâm lý học đại cương	3 môn chọn 1	2	2							2			2					
2	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2							2			2					
3	Nhân học đại cương		2	2							2			2					
4	Giáo dục thể chất 2		2																
5	Giáo dục QP (4 tuần)		165t																
	HK 3		16																
	Môn học bắt buộc		14																
1	Lịch sử Đảng CSVN		2	2												3			2
2	Kế toán tài chính		3		3	2		2				2	2		3	3		2	
3	Marketing căn bản		3		2					2	2								
4	Nguyên lý thị trường tài chính		3		3	2	3												
5	Thống kê ứng dụng		3		3			2								3			
	Môn học tự chọn		2																
1	Tin học ứng dụng	3 môn chọn 1	2		2				2				2	2	3	3			
2	Logic học		2			3	2	2											
3	Kinh tế lượng		3		2		2		2							2			
	HK 4		20																
	Môn học bắt buộc: 15 TC																		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2												3			2
2	Kinh tế học quốc tế		2		2								2	3					
3	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)		3		3	2	3								3				
4	Hệ thống thông tin kinh doanh		2		3				3	3									
5	Quản trị chiến lược		3	3				3	3			3			3	3			
6	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)		3		4	3	4	3			2	3			2	3	4	3	3
	Môn học tự chọn: 5 TC																		
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 môn chọn 1	2					3					3	2		3	3		

2	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2					3				3	3		3	3				
3	Thực hành văn bản Tiếng Việt		2						3			3	3	3						
4	Thanh toán quốc tế	2 môn chọn 1	3	3						2										
5	Cơ sở dữ liệu		3	3			3	3		3			2		3	3				
	HK 5		17																	
	Môn học bắt buộc: 14 TC		14																	
1	Thuế - Thực hành và khai báo		3	4	4			3	3	3	3			3			4	3	4	
2	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)		4	4	4	4	3			3	4			4	4	3	4	4	3	
3	Hệ thống thông tin kế toán		3	3	3			3	3				3		3		4			
4	Lý thuyết kiểm toán		4		3					3	3			3					3	
	Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)		3																	
1	Kế toán ngân hàng (Kế toán ngân hàng thương mại)	4 môn chọn 1	3		3		3			3	3		3						3	
2	Tài chính quốc tế		3		3	3									3					
3	Thị trường chứng khoán		3	3										3						3
4	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý		3	3				3	3		3				3	3				
	HK 6		21																	
	Môn học bắt buộc: 18 TC		18																	
1	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)		3		4					3	4			4		4			3	
2	Kế toán quản trị		3	3	3	3		3		3			3		3	3	3		3	
3	Kế toán quốc tế		2	4	4		3					4	4			3	4		4	
4	Đạo đức nghề nghiệp và QTDN		3							3		4						4	3	4
5	Phân tích Báo cáo tài chính		3	4	4	4			4		4			4	3					
6	CNXH khoa học		2	2														3		2
7	Kiến tập (cuối HK 6)		2		4		3				4		3	3		4		3		
	Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)		3																	

1	Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)	4 môn chọn 1	3	4	4	4	3		3	4			4	3	4	4	3	
2	Kế toán phần hành 1		3				3					4	4	4		4	4	3
3	Kế toán phần hành 2		3		4		3	4	4	3				4	3	4	4	
4	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định		3		4	4		4	4	3	4			4	3	4		
HK 7			12															
Môn học bắt buộc: 9 TC			9															
1	Kiểm soát và kiểm toán NB		3		4		3			4			4	4			3	
2	Kiểm toán 2		3		4			4		3			4					
3	Quản trị rủi ro		3	4	4			4					4					
Môn học tự chọn: 3 TC			3															
1	Kế toán quản trị nâng cao	3 môn chọn 1	3			4		4		3	4	4						
2	Chuẩn mực Trình bày BCTC Quốc tế (IFRS)		3		4		3				4	4		3	4			
3	Phân tích dữ liệu với R/Python		4		4	4			4		4			3	4			
HK 8			8															
Môn bắt buộc: 04 TC			4															
1	Thực tập cuối khóa		4		4		3			4		4	4		4		3	
Môn tự chọn: 4 TC																		
2	Khóa luận TN/ CDTN	Chọn Khóa luận TN hoặc 2 học phần chuyên môn)	4		4		3			4		4	4		4		3	
3.1	Chuyên đề 1: Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP		2		4				4		4		4		3			3
3.2	Chuyên đề 2: Báo cáo tài chính hợp nhất 1		2			4		3		3								

Chú thích:

14	Nhóm môn kiến thức chung về xã hội
6	Nhóm môn cơ bản, cơ sở ngành về toán, thống kê
3	Nhóm môn phương pháp nghiên cứu khoa học
3	Nhóm môn cơ sở ngành kinh tế
3	Nhóm môn luật, thuế
6	Nhóm môn tài chính
3	Nhóm môn quản trị
2	Nhóm môn kế toán quản trị
7	Nhóm môn hệ thống thông tin, phân tích dữ liệu
11	Nhóm môn kế toán tài chính
6	Nhóm môn kiểm toán
3	Kiến tập, thực tập, KLTN
1	Đạo đức nghề nghiệp, tạo giá trị nền tảng ở tất cả các môn học

6. Thời gian tương tác (Contact time)

Thời gian tương tác/tiếp xúc của môn học sẽ được xác định trong thông số kỹ thuật của từng môn học và được cung cấp cho sinh viên khi bắt đầu chương trình. Thời gian tương tác/tiếp xúc của sinh viên, cùng với thời gian được phân bổ cho học tập độc lập và kiểm tra, đánh giá, xác định tổng số giờ học của sinh viên cho một môn học hoặc chương trình. Mỗi sinh viên cần có ít nhất 30 giờ tự học cho mỗi tín chỉ.

IV. TIÊU CHÍ HOẶC YÊU CẦU TUYỂN SINH VÀO CHƯƠNG TRÌNH (ENTRY REQUIREMENTS)

- Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

V. CÁC BẢN MÔ TẢ MÔN HỌC (course specifications)

(Các bản mô tả môn học lưu thành những file khác, được đính kèm theo bản mô tả chương trình)

VI. THỜI GIAN BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC THIẾT LẬP, ÁP DỤNG, HOẶC ĐIỀU CHỈNH (Date on which the programme specification was written, implemented or revised)

1. Thời gian xây dựng bản mô tả CTĐT: 3/8/2019
2. Bản mô tả CTĐT được áp dụng trong năm học: từ năm 2019-2023, 2020-2024
3. Thời gian điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT: 2021

TRƯỜNG KHOA



HỒ XUÂN THỦY

